Câu 1: Nhà triết học nào coi lửa là thực thể đầu tiên của thế giới và đó là lập trường triết học nào?

A. Đê-mô-crít, - chủ nghĩa duy vật tự phát.

B. Hê-ra-clít, - chủ nghĩa duy vật tự phát.

C. Hê-ra-clít, - chủ nghĩa duy tâm khách quan.

D. Ana-ximen, - chủ ngiã duy vật tự phát.

Câu 2: Nhà triết học nào cho nguyên tử và khoảng không là thực thể đầu tiên của thế giới và đó là lập trường triết học nào?

A. Đê-mô-rít, chủ nghĩa duy vật tự phát.

B. Hê-ra-clít, - chủ nghĩa duy vật tự phát

C. Đê-mô-crít, chủ nghĩa duy tâm khách quan.

D. A-ri-xtốt, - chủ nghĩa duy vật tự phát.

Câu 3: Đồng nhất vật chất nói chung với một vật thể hữu hình cảm tính đang tồn tại trong thế giới bên ngoài là quan điểm của trường phái triết học nào?

A. Chủ nghĩa duy tâm.

B. Chủ nghĩa duy vật tự phát.

C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.

D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Câu 4: Đồng nhất vật chất nói chung với nguyên tử - một phần tử vật chất nhỏ nhất, đó là quan điểm của trường phái triết học nào?

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII.

B. Chủ nghĩa duy vật tự phát.

C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

D. Chủ nghĩa duy tâm

Câu 5: Điểm chung trong quan niệm về vật chất của các nhà triết học duy vật thời kỳ cổ đại là:

A. Đồng nhất vật chất với những dạng tồn tại cụ thể

B. Đồng nhất vật chất với điện tử

C. Đồng nhất vật chất với khối lượng

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 6: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, tồn tại khách quan là:

A. Tồn tại bên ngoài con người, độc lập với ý thức con người

B. Sản phẩm của tư duy con người

C. Tồn tại không thể nhận thức được

D. Tồn tại phụ thuộc vào ý thức

Câu 7: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, thuộc tính cơ bản, phổ biến nhất của mọi dạng vật chất là:

A. Tồn tại

B. Tồn tại chủ quan

C. Tồn tại khách quan

D. Vừa tồn tại khách quan, vừa tồn tại chủ quan

Câu 8: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, thế giới thống nhất ở:

A. Tính chủ quan

B. Sự tồn tại

C. Tính vật chất

D. Tính phổ biến

Câu 9: Đặc điểm chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại là gì?

A. Đồng nhất vật chất nói chung với nguyên tử.

B. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể hữu hình, cảm tính của vật chất.

C. Đồng nhất vật chất với khối lượng.

D. Đồng nhất vật chất với ý thức.

Câu 10: Hạn chế chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại.

A. Có tính chất duy tâm chủ quan.

B. Có tính chất duy vật tự phát, là những phỏng đoán dựa trên những tài liệu cảm tính là chủ yếu, chưa có cơ sở khoa học.

C. Có tính chất duy vật máy móc siêu hình.

D. Chỉ ra thuộc tính cơ bản nhất của vật chất là thuộc tính tồn tại khách quan

Câu 11: Đâu là mặt tích cực trong quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại?

A. Chống quan niệm máy móc siêu hình.

B. Chống quan niệm duy tâm tôn giáo

C. Thúc đẩy sự phát triển tư tưởng khoa học về thế giới.

D. Gồm B và C.

Câu 12: Đỉnh cao nhất của tư tưởng duy vật cổ đại về vật chất là ở chỗ nào?

A. ở quan niệm về lửa là bản nguyên của thế giới

B. ở thuyết nguyên tử của Lơ-xíp và Đê-mô-crít.

C. ở quan niệm về con số là bản nguyên của thế giới.

D. ở quan niệm về nước là bản nguyên của thế giới

Câu 13: Điền từ đúng nhất vào chỗ trống: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, vận động là thuộc tính…. của vật chất.

A. riêng

B. cố hữu

C. đặc thù

D. phổ biến

Câu 14: Quan điểm nào cho rằng, không gian, thời gian, vận động không liên quan với nhau và ở bên ngoài vật chất.

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

D. Chủ nghĩa duy vật chất phác

Câu 15: Chọn phương án đúng nhất: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc của ý thức là...

A. nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhận thức

B. nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội

C. nguồn gốc xã hội và nguồn gốc kinh tế

D. nguồn gốc kinh tế và nguồn gốc văn hóa

Câu 16: Quan điểm nào cho rằng, “Óc tiết ra ý thức như gan tiết ra mật”?

A. Chủ nghĩa duy vật tầm thường

B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

D. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 17: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, phản ánh là thuộc tính:

A. Riêng có ở con người

B. Chỉ có ở các cơ thể sống

C. Riêng có ở vật chất vô cơ

D. Phổ biến ở mọi tổ chức vật chất

Câu 18: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng: Các yếu tố cơ bản, trực tiếp tạo thành nguồn gốc xã hội của ý thức là:

A. Lao động và ngôn ngữ

B. Kinh tế và văn hóa

C. Lao động trí óc và lao động chân tay

D. Tri thức và ý chí

Câu 19: Quan điểm nào cho rằng, ý thức là bản thể đầu tiên, tồn tại vĩnh viễn, là nguyên nhân sinh thành, chi phối sự tồn tại, biến đổi của toàn bộ thế giới vật chất...

A. chủ nghĩa duy vật siêu hình

B. chủ nghĩa duy vật biện chứng

C. chủ nghĩa duy tâm

D. chủ nghĩa hoài nghi

Câu 20: Quan điểm nào cho rằng, ý thức cũng chỉ là một dạng vật chất đặc biệt, do vật chất sản sinh ra.

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

D. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Câu 21: Quan điểm của trường phái triết học nào coi khối lượng chỉ là thuộc tính của vật chất, gắn liền với vật chất?

A. Chủ nghĩa duy tâm.

B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

D. Chủ nghĩa duy vật chất phác

Câu 22: Hiện tượng phóng xạ mà khoa học tự nhiên phát hiện ra chứng minh điều gì?

A. Vật chất nói chung là bất biến.

B. Nguyên tử là bất biến.

C. Nguyên tử là không bất biến.

D. Nguyên tử là điện tử

Câu 23: Phát minh ra hiện tượng phóng xạ và điện tử bác bỏ quan niệm triết học nào về vật chất?

A. Quan niệm duy vật siêu hình về vật chất.

B. Quan niệm duy tâm về vật chất cho nguyên tử không tồn tại.

C. Quan niệm duy vật biện chứng về vật chất.

D. Cả B và C

Câu 24: Chủ nghĩa duy tâm đã lợi dụng những phát minh của khoa học tự nhiên về hiện tượng phóng xạ và điện tử để chứng minh cái gì?

A. Chứng minh nguyên tử không phải là bất biến.

B. Chứng minh nguyên tử biến đổi đồng nhất với vật chất mất đi.

C. Chứng minh nguyên tử biến đổi nhưng vật chất nói chung không mất đi.

D. Vật chất tồn tại khách quan

Câu 25: Quan niệm coi điện tử là phi vật chất thuộc lập trường triết học nào?

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

B. Chủ nghĩa duy tâm.

C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

D. Chủ nghĩa duy vật chất phác

Câu 26: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, yếu tố nào đóng vai trò là nguồn gốc cơ bản, trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức?

A. Mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan

B. Bộ não người

C. Lao động

D. Ngôn ngữ

Câu 27: Quan điểm nào cho rằng, ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan?

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

D. Chủ nghĩa duy vật chất phác

Câu 28: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất được thực hiện thông qua:

A. Suy nghĩ của con người

B. Hoạt động nhận thức của con người

C. Hoạt động thực tiễn của con người

D. Hoạt động tinh thần

Câu 29: Nguyên tắc xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan đòi hỏi trong nhận thức và thực tiễn cần tránh sai lầm:

A. Ngụy biện và chiết trung

B. Trì trệ, thụ động và chủ quan duy ý chí

C. Phiến diện và siêu hình

D. Kinh nghiệm

Câu 30: Theo V.I.Lênin những phát minh của khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã làm tiêu tan cái gì?

A. Tiêu tan vật chất nói chung.

B. Tiêu tan dạng tồn tại cụ thể của vật chất.

C. Tiêu tan giới hạn hiểu biết trước đây về vật chất, quan điểm siêu hình về vật chất.

D. Ý thức tiêu tan

Câu 31: Quan điểm cho rằng: nhận thức mới về nguyên tử - phát hiện ra điện tử - làm cho nguyên tử không tồn tại, thuộc lập trường triết học nào?

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

B. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

D. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

Câu 32: Quan điểm triết học nào cho rằng, nhận thức mới về nguyên tử chỉ bác bỏ quan niệm cũ về vật chất, không bác bỏ sự tồn tại vật chất nói chung?

A. Chủ nghĩa duy vật trước Mác.

B. Chủ nghĩa duy tâm.

C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

D. Chủ nghĩa duy vật chất phác

Câu 33: Định nghĩa về vật chất của Lênin được nêu trong tác phẩm nào?

A. Biện chứng của tự nhiên

B. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán.

C. Bút ký triết học

D. Nhà nước và cách mạng.

Câu 34: Đâu là quan niệm về vật chất của triết học Mác - Lênin?

A. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thẻ của vật chất.

B. Không đồng nhất vật chất nói chung với dạng cụ thể của vật chất.

C. Coi có vật chất chung tồn tại tách rời các dạng cụ thể của vật chất.

D. Vật chất là nguyên tử

Câu 35: Chọn phương án đúng nhất: Thêm cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa về vật chất của Lênin: Vật chất là ......(1) dùng để chỉ (2).. được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ảnh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

A. 1- Vật thể, 2- hoạt động

B. 1- Phạm trù triết học, 2- Thực tại khách quan.

C. 1- Phạm trù triết học, 2- Một vật thể

D. 1- Phạm trù triết học, 2- Nguyên tử

Câu 36: Chọn phương án đúng nhất: Tuyệt đối hóa vai trò của vật chất sẽ mắc phải sai lầm...

A. Giáo điều

B. Ngụy biện

C. Phiến diện

D. Bảo thủ, trì trệ, thụ động

Câu 37: Chọn phương án đúng nhất: Tuyệt đối hóa vai trò của ý thức sẽ mắc phải sai lầm...

A. Chủ quan duy ý chí

B. Ngụy biện

C. Bảo thủ, trì trệ, thụ động

D. Phiến diện

Câu 38: Tục ngữ Việt Nam đã khẳng định: “Có thực mới vực được đạo”, quan điểm trên thuộc lập trường triết học nào?

A. Chủ nghĩa duy vật

B. Chủ nghĩa duy tâm

C. Nhị nguyên

D. Khả tri luận

Câu 39: Theo V.I. Lênin, ngoài thuộc tính tồn tại khách quan thì vật chất dưới những dạng tồn tại cụ thể của nó là cái có thể...

A. Tồn tại trong cảm giác của con người

B. Gây nên cảm giác ở con người

C. Tồn tại độc lập với cảm giác của con người

D. Tồn tại trong ý thức của con người

Câu 40: Quan điểm sau đây thuộc trường phái triết học nào: cái gì cảm giác được là vật chất.

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

B. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

D. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

Câu 41: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, một trong những biểu hiện tính năng động, sáng tạo của phản ánh ý thức là…

A. Hình ảnh vật lý

B. Là một hiện tượng xã hội

C. Tạo ra những ý tưởng, giả thuyết, huyền thoại

D. Sinh ra được vật chất

Câu 42: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, bản chất của ý thức là...

A. Sản phẩm của mọi dạng vật chất

B. Một dạng vật chất đặc biệt

C. Sự phản ánh của các lực lượng siêu tự nhiên

D. Sự phán ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người

Câu 43: Hạn chế của chủ nghĩa duy vật chất phác là:

A. Xem xét thế giới trong trạng thái biệt lập và tĩnh tại

B. Xem xét thế giới trong mối liên hệ phổ biến và phát triển

C. Không dựa trên cơ sở khoa học

D. Dựa trên thành tựu của khoa học

Câu 44: Hạn chế của chủ nghĩa duy vật siêu hình là:

A. Xem xét thế giới trong trạng thái biệt lập và tĩnh tại

B. Xem xét thế giới trong mối liên hệ phổ biến và phát triển

C. Dựa trên cơ sở khoa học thực nghiệm

D. Nguồn gốc của sự phát triển là ở bên trong sự vật

Câu 45: Chọn phương án đúng nhất: Theo C.Mác, ý thức “chẳng qua chỉ là... được đem chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi trong đó.”

A. Vật chất

B. Bộ não người

C. Hình ảnh

D. Vật thể

Câu 46: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng: Hình thức phản ánh nào sau đây là cao nhất?

A. Phản ánh vật lý, hóa học

B. Phản ánh sinh học

C. Phản ánh tâm lý

D. Phản ánh năng động, sáng tạo

Câu 47: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, vận động và đứng im có mối quan hệ như thế nào?

A. Vận động không bao hàm đứng im

B. Vận động và đứng im là đồng nhất

C. Đứng im bao hàm vận động

D. Đứng im là trạng thái đặc biệt của vận động

Câu 48: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, phương thức tồn tại của vật chất là...

A. Vận động

B. Thời gian

C. Không gian

D. Không gian và thời gian

Câu 49: Trường phái triết học nào cho không thể có vật chất không vận động và không thể có vận động ngoài vật chất.

A. Chủ nghĩa duy vật tự phát thời kỳ cổ đại.

B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

D. Chủ nghĩa duy tâm.

Câu 50: Đâu là quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động.

A. Có vật chất không vận động.

B. Có vận động thuần tuý ngoài vật chất.

C. Không có vận động thuần tuý ngoài vật chất.

D. Vận động phụ thuộc vào cảm giác của con người

Câu 51: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động?

A. Vận động là sự tự thân vận động của vật chất, không được sáng tạo ra và không mất đi.

B. Vận động là sự đẩy và hút của vật thể.

C. Vận động được sáng tạo ra và có thể mất đi.

D. Vận động phụ thuộc vào cảm giác của con người

Câu 52: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự tồn tại của sự vật thể hiện ở quá trình biến đổi nhanh hay chậm, kế tiếp và chuyển hóa... Hình thức tồn tại ấy gọi là:

A. Vận động

B. Không gian

C. Đứng im

D. Thời gian

Câu 53: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, mọi dạng cụ thể của vật chất đều tồn tại ở một vị trí nhất định, có quảng tính và tồn tại trong các mối tương quan nhất định với những dạng vật chất khác. Hình thức tồn tại đó gọi là:

A. Vận động

B. Không gian

C. Đứng im

D. Thời gian

Câu 54: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, thế giới thống nhất ở:

A. Tính chủ quan

B. Sự tồn tại

C. Tính vật chất

D. Tính phổ biến

Câu 55: Phản ánh năng động, sáng tạo là phản ánh đặc trưng cho...

A. Thực vật và động vật bậc thấp

B. Động vật chưa có hệ thần kinh trung ương

C. Động vật đã có hệ thần kinh trung ương

D. Con người

Câu 56: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguyên tắc xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan bắt nguồn từ:

A. Vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức

B. Vai trò quyết định của ý thức đối với vật chất

C. Vai trò quyết định của thực tiễn đối với nhận thức

D. Vai trò quyết định của nhận thức đối với thực tiễn

Câu 57: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, yêu cầu phát huy tính năng động chủ quan trong hoạt động nhận thức và thực tiễn bắt nguồn từ:

A. Vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức

B. Vai trò tác động trở lại của ý thức đối với vật chất

C. Vai trò quyết định của thực tiễn đối với nhận thức

D. Vai trò của nhận thức đối với thực tiễn

Câu 58: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, yếu tố nào đóng vai trò là nguồn gốc cơ bản, trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức?

A. Mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan

B. Bộ não người

C. Lao động

D. Ngôn ngữ

Câu 59: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, hệ thống tín hiệu vật chất chứa đựng thông tin mang nội dung ý thức là:

A. Bộ não người

B. Lao động

C. Ngôn ngữ

D. Phản ánh

Câu 60: Trường phái triết học nào coi ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan?

A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

B. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

C. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

D. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

Câu 61: Trình độ phản ánh đặc trưng cho các loài thực vật là gì?

A. Sự kích thích

B. Sự phản xạ

C. Tâm lý

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Câu 62: Trình độ phản ánh đặc trưng cho các loài động vật đã có hệ thần kinh là gì?

A. Sự kích thích

B. Sự phản xạ

C. Tâm lý

D. Ý thức

Câu 63: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, trình độ phản ánh đặc trưng ở động vật có hệ thần kinh trung ương phát triển là gì?

A. Sự kích thích

B. Sự phản xạ

C. Tâm lý

D. Ý thức

Câu 64: Điền vào chỗ trống.............là trình độ phản ánh cao nhất của các loài động vật, bao gồm cả phản xạ không có điều kiện và có điều kiện.

A. Sự kích thích

B. Sự phản xạ

C. Tâm lý động vật

D. Ý thức

Câu 65: Nhận định nào sau đây là SAI?

A. Vật chất không chỉ có một dạng tồn tại là vật thể

B. Vật thể không phải là vật chất

C. Vật thể là dạng tồn tại cụ thể của vật chất

D. Vật chất tồn tại thông qua những dạng cụ thể của nó

Câu 66: Chọn phương án SAI: Bệnh chủ quan duy ý chí có các biểu hiện sau:

A. Luôn tôn trọng quy luật khách quan

B. Suy nghĩ và hành động nóng vội

C. Chạy theo nguyện vọng chủ quan

D. Không tính tới điều kiện và khả năng thực tế

Câu 67: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý thức là một …. mang bản chất xã

hội.

A. Hiện tượng vật chất

B. Hiện tượng tinh thần

C. Hiện tượng tự nhiên

D. Hiện tượng xã hội

Câu 68: Chọn phương án đúng nhất: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, đứng im là:

A. Tuyệt đối

B. Tương đối

C. Vừa tuyệt đối, vừa tương đối

D. Ý muốn của con người

Câu 69: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, ngôn ngữ là:

A. Cái vỏ vật chất của tư duy

B. Nội dung của ý thức

C. Cơ quan vật chất sản sinh ra ý thức

D. Do Thượng Đế ban cho con người

Câu 70: Chọn phương án đúng nhất: Tuyệt đối hóa vai trò của vật chất sẽ mắc phải sai lầm...

A. Giáo điều

B. Chiết trung

C. Phiến diện

D. Bảo thủ, trì trệ, thụ động

Câu 71: Chọn phương án đúng nhất: Tuyệt đối hóa vai trò của ý thức sẽ mắc phải sai lầm...

A. Chủ quan duy ý chí

B. Ngụy biện

C. Bảo thủ, trì trệ, thụ động

D. Phiến diện

Câu 72: Chọn phương án đúng nhất: Từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, trong mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn cần phải:

A. Phát huy tính năng động chủ quan

B. Có quan điểm toàn diện

C. Có quan điểm lịch sử - cụ thể

D. Xuất phát từ thực tế khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan

Câu 73: Chủ nghĩa duy vật chất phác có ưu điểm:

A. Lấy bản thân giới tự nhiên để giải thích sự hình thành của giới tự nhiên

B. Quy vật chất về một số dạng tồn tại cụ thể

C. Quan điểm về giới tự nhiên dựa trên sự trực quan hoặc phỏng đoán

D. Lấy ý thức quyết định vật chất

Câu 74: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, yếu tố tiên quyết về mặt xã hội cho sự hình thành ý thức là:

A. Lao động

B. Quan hệ xã hội

C. Ngôn ngữ

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 75: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, những yếu tố nào sau đây là điều kiện cần cho sự hình thành ý thức?

A. Bộ óc người và sự tác động của thế giới khách quan lên bộ óc người

B. Lao động và ngôn ngữ

C. Quan hệ xã hội

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 76: Theo phép biện chứng duy vật, mối liên hệ phổ biến:

A. Chỉ có trong lĩnh vực tự nhiên

B. Chỉ có trong lĩnh vực xã hội

C. Chỉ có trong lĩnh vực tư duy

D. Có trong tự nhiên, trong xã hội và cả trong tư duy

Câu 77: Theo phép biện chứng duy vật, khi vận dụng nguyên tắc phát triển cần phải khắc phục quan điểm:

A. Phiến diện

B. Chiết trung

C. Ngụy biện

D. Bảo thủ, trì trệ

Câu 78: Chọn phương án đúng nhất: Theo phép biện chứng duy vật:

A. Phủ định biện chứng là sự phủ định cần có sự can thiệp của con người

B. Phủ định biện chứng là sự tự phủ định, phủ định tạo tiền đề cho cái mới ra đời, cho sự phát triển tiếp theo của sự vật, hiện tượng

C. Phủ định biện chứng mang tính khách quan vì đó là sự phủ định của bản thân sự vật và phương thức phủ định phụ thuộc vào ý muốn của con người

D. Phủ định biện chứng chỉ diễn ra trong xã hội, còn trong tự nhiên và trong tư duy của con người không có phủ định

Câu 79: Theo V.I. Lênin: Sự phát triển là một cuộc “...” giữa các mặt đối lập.

A. Thống nhất

B. Đấu tranh

C. Thủ tiêu

D. Điều hòa

Câu 80: Phạm trù nào dùng để chỉ một sự vật, một hiện tượng nhất định?

A. Cái đơn nhất

B. Cái đặc thù

C. Cái riêng

D. Cái chung

Câu 81: Theo phép biện chứng duy vật, chất của một sự vật, hiện tượng được tạo thành từ...?

A. Chỉ một thuộc tính

B. Các thuộc tính không cơ bản

C. Thuộc tính cơ bản và không cơ bản

D. Chỉ thuộc tính cơ bản

Câu 82: Chọn phương án đúng nhất: Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm thể hiện rõ nhất khi:

A. Giải quyết mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của triết học

B. Giải quyết mặt thứ hai vấn đề cơ bản của triết học

C. Giải quyết cả hai mặt vấn đề cơ bản của triết học

D. Cả A, B, C đều sai

Câu 83: Theo phép biện chứng duy vật, mỗi sự vật, hiện tượng:

A. Chỉ có một loại lượng và một loại chất

B. Có nhiều loại lượng và một loại chất

C. Có một loại lượng và nhiều loại chất

D. Có nhiều loại lượng và nhiều loại chất

Câu 84: Quy luật nào được V.I. Lênin gọi là hạt nhân của phép biện chứng duy vật?

A. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại

B. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

C. Quy luật phủ định của phủ định

D. Quy luật đấu tranh giai cấp

Câu 85: Nguyên tắc phát triển giúp chúng ta khắc phục được tư tưởng...

A. Nôn nóng, tả khuynh

B. Chiết trung, ngụy biện

C. Phiến diện, siêu hình

D. Bảo thủ, trì trệ, định kiến

Câu 86: Theo phép biện chứng duy vật: “Kết quả dùng để chỉ những... xuất hiện do sự tác động giữa các mặt, các yếu tố trong một sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng”.

A. Biến động

B. Biến đổi

C. Biến thiên

D. Biến cố

Câu 87: Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nếu đánh tráo các mối liên hệ cơ bản thành không cơ bản hoặc ngược lại thì sẽ mắc phải sai lầm nào?

A. Phiến diện

B. Ngụy biện

C. Chiết trung

D. Chủ quan duy ý chí

Câu 88: Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nếu lắp ghép vô nguyên tắc các mối liên hệ trái ngược nhau vào một mối liên hệ phổ biến thì sẽ mắc phải sai lầm nào?

A. Phiến diện

B. Ngụy biện

C. Chiết trung

Câu 89: Theo phép biện chứng duy vật: Một nguyên nhân trong những điều kiện nhất định có thể:

A. Luôn sinh ra một kết quả

B. Luôn sinh ra nhiều kết quả

C. Sinh ra một hoặc nhiều kết quả

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 90: Theo phép biện chứng duy vật, sự chuyển hóa giữa nguyên nhân và kết quả có nghĩa...

A. Có nguyên nhân đầu tiên và có kết quả cuối cùng

B. Có nguyên nhân đầu tiên nhưng không có kết quả cuối cùng

C. Không có nguyên nhân đầu tiên nhưng có kết quả cuối cùng

D. Không có nguyên nhân đầu tiên và không có kết quả cuối cùng

Câu 91: Quy luật nào của phép biện chứng duy vật làm rõ phương thức/cách thức chung của mọi sự vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy?

A. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

B. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại

C. Quy luật phủ định của phủ định

D. Quy luật chọn lọc tự nhiên

Câu 92: Điền vào chỗ trống …. là phạm trù dùng để chỉ sự biểu hiện ra bên ngoài của những mặt, những mối liên hệ của sự vật, hiện tượng trong những điều kiện xác định.

A. Bản chất

B. Ngẫu nhiên

C. Tất nhiên

D. Hiện tượng

Câu 93: Điền vào chỗ trống: ……….. là phạm trù dùng để chỉ cái chưa xuất hiện, chưa tồn tại trong thực tế nhưng sẽ xuất hiện và tồn tại thực sự khi có các điều kiện tương ứng.

A. Tất nhiên

B. Hiện thực

C. Ngẫu nhiên

D. Khả năng

Câu 94: Điền vào chỗ trống …… là phạm trù dùng để chỉ những cái đang tồn tại trong thực tế.

A. Tất nhiên

B. Hiện thực

C. Thực tại

D. Hiện thực khách quan

Câu 95: Quan niệm triết học nào cho rằng: Cơ sở quyết định các mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là cảm giác của con người?

A. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

C. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 96: “Khái niệm chất dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng, là sự thống nhất hữu cơ các.....cấu thành nó, phân biệt nó với sự vật, hiện tượng”.

A. Thuộc tính

B. Đặc tính

C. Tính chất

D. Sự vật

Câu 97: Theo phép biện chứng duy vật, các phạm trù được hình thành...

A. Trong ý thức của con người

B. Bên ngoài, độc lập với ý thức của con người

C. Trong quá trình hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người

D. Từ ý muốn của Thượng Đế

Câu 98: Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng về các phương diện: số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ của quá trình vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng?

A. Mối liên hệ

B. Vận động

C. Lượng

D. Chất

Câu 99: Chọn phương án đúng nhất: Theo phép biện chứng duy vật, các sự vật, hiện tượng vận động, phát triển bằng cách:

A. Chỉ cần thay đổi về lượng

B. Chỉ cần thay đổi về chất

C. Thay đổi về lượng đến điểm nút tất yếu dẫn đến sự chuyển hóa về chất

D. Thống nhất của các mặt đối lập

Câu 100: Theo phép biện chứng duy vật, cái... chỉ tồn tại trong mối liên hệ với cái...

A. Chung/Riêng

B. Riêng/Chung

C. Chung/Đơn nhất

D. Đơn nhất/Riêng

Câu 101: Theo phép biện chứng duy vật, biện chứng khách quan là:

A. Biện chứng tiên nghiệm, có trước kinh nghiệm

B. Biện chứng của thế giới vật chất

C. Biện chứng của ý niệm tuyệt đối

D. Biện chứng của tư duy

Câu 102: Khái niệm dùng để chỉ sự thay đổi về lượng đến một giới hạn nhất định sẽ tất yếu dẫn đến những thay đổi về chất được gọi là:

A. Độ

B. Điểm nút

C. Bước nhảy

D. Lượng

Câu 103: Điền vào chỗ trống: Điểm nút là……… mà tại đó sự thay đổi về lượng đã đủ để dẫn tới sự thay đổi về chất của sự vật, hiện tượng, thời điểm mà tại đó bắt đầu xảy ra bước nhảy.

A. giới hạn

B. khoảng giới hạn

C. điểm

D. điểm giới hạn

Câu 104: Điền vào chỗ trống …….. là khái niệm dùng để chỉ những chuyển hóa về chất của sự vật, hiện tượng do những sự thay đổi về lượng trước đó gây ra.

A. Vận động

B. Phát triển

C. Bước nhảy

D. Điểm nút

Câu 105: Căn cứ vào quy mô và nhịp độ của bước nhảy, có thể phân chia bước nhảy thành:

A. Bước nhảy toàn bộ và bước nhảy tức thời

B. Bước nhảy cục bộ và bước nhảy dần dần

C. Bước nhảy toàn bộ và bước nhảy cục bộ

D. Bước nhảy tức thời và bước nhảy dần dần

Câu 106: Theo phép biện chứng duy vật, cái... và cái... có thể chuyển hóa cho nhau trong quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng.

A. Chung/Riêng

B. Riêng/Chung

C. Chung/Đơn nhất

D. Đơn nhất/Riêng

Câu 107: Theo phép biện chứng duy vật, cái riêng tồn tại:

A. Trong mối liên hệ với cái chung

B. Bên ngoài, độc lập với cái chung

C. Trong cái chung

D. Bên cạnh cái chung

Câu 108: Theo nguyên lý về sự phát triển, sự phát triển có mấy tính chất?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 109: Theo nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, mối liên hệ có mấy tính chất?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 110: Căn cứ vào thời gian của sự thay đổi về chất và dựa trên cơ chế của sự thay đổi đó, có thể phân chia bước nhảy thành:

A. Bước nhảy toàn bộ và bước nhảy tức thời

B. Bước nhảy tức thời và bước nhảy dần dần

C. Bước nhảy toàn bộ và bước nhảy cục bộ

D. Bước nhảy cục bộ và bước nhảy dần dần

Câu 111: Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nếu không tích lũy về lượng để biến đổi về chất sẽ mắc phải sai lầm…

A. tư tưởng nôn nóng, đốt cháy giai đoạn

B. bảo thủ, trì trệ, ngại khó

C. giáo điều, dập khuôn, máy móc

D. kinh nghiệm chủ nghĩa

Câu 112: Điền từ vào chỗ trống: Một trong những ý nghĩa phương pháp luận được rút ra từ mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, muốn biến đổi sự vật, hiện tượng thì trước hết phải tác động, làm thay đổi (...) của nó.

A. Nội dung

B. Hình thức

C. Cả nội dung và hình thức

D. Không có phương án đúng

Câu 113: Trong các hình thức của thực tiễn, hình thức nào giữ vai trò quan trọng nhất?

A. Hoạt động sản xuất vật chất

B. Hoạt động chính trị - xã hội

C. Hoạt động thực nghiệm khoa học

D. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Câu 114: Trong các hình thức sau đây, đâu là hình thức cơ bản của thực tiễn?

A. Nghiên cứu khoa học

B. Sản xuất vật chất

C. Sáng tạo nghệ thuật

D. Tâm lý, tình cảm

Câu 115: Quy luật nào được V.I. Lênin gọi là hạt nhân của phép biện chứng duy vật?

A. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại

B. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

C. Quy luật phủ định của phủ định

D. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Câu 116: Điền vào chỗ trống: ……... là sự tác động qua lại giữa các mặt, các khuynh hướng đối lập nằm trong chính mỗi sự vật, hiện tượng; có vai trò quy định trực tiếp quá trình vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng.

A. Mâu thuẫn chủ yếu

B. Mâu thuẫn cơ bản

C. Mâu thuẫn đối kháng

D. Mâu thuẫn bên trong

Câu 117: Điền vào chỗ trống …… xuất hiện trong mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng với nhau; tuy cũng ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của chúng nhưng phải thông qua mâu thuẫn bên trong mới phát huy tác dụng.

A. Mâu thuẫn thứ yếu

B. Mâu thuẫn không cơ bản

C. Mâu thuẫn bên ngoài

D. Mâu thuẫn không đối kháng

Câu 118: Điền vào chỗ trống: .............là mâu thuẫn giữa các giai cấp, tập đoàn người, lực lượng, xu hướng xã hội có lợi ích cơ bản đối lập nhau và không thể điều hòa được.

A. Mâu thuẫn chủ yếu

B. Mâu thuẫn cơ bản

C. Mâu thuẫn bên trong

D. Mâu thuẫn đối kháng

Câu 119: Lựa chọn câu đúng nhất theo quan điểm DVBC:

A. Phát triển là sự thay đổi thuần tuý về mặt số lượng hay khối lượng của sự vật hiện tượng

B. Phát triển là sự thay đổi về vị trí của sự vật hiện tượng trong không gian, thời gian

C. Phát triển không chỉ là sự thay đổi về lượng mà nó còn là sự thay đổi về chất của sự vật hiện tượng

D. Phát triển chỉ có sự thay đổi về lượng

Câu 120: Nguyên tắc phát triển giúp chúng ta khắc phục được tư tưởng:

A. Nôn nóng, tả khuynh

B. Chiết trung, ngụy biện

C. Phiến diện, siêu hình

D. Bảo thủ, trì trệ, định kiến

Câu 121: Ph. Ăngghen đã cho rằng: Đối với những ai phủ nhận (...) thì mọi quy luật của tự nhiên đều là giả thuyết.

A. Tính phổ biến

B. Tính nhân quả

C. Tính tất yếu

D. Tính biện chứng

Câu 122: Một sinh viên quan niệm: Vì nhà nghèo, cha mẹ đã phải nỗ lực chu cấp cho đi học đại học nên mình phải cố gắng rèn luyện, học giỏi, ra trường tìm được việc làm với mức thu nhập cao. Vận dụng cặp phạm trù nào của phép biện chứng duy vật để giải thích quan niệm trên?

A. Cái riêng - cái chung

B. Nguyên nhân - kết quả

C. Bản chất - hiện tượng

D. Tất nhiên - ngẫu nhiên

Câu 123: Chọn phương án SAI: Phủ định biện chứng là sự phủ định...

A. Có tính chất kế thừa

B. Chấm dứt hoàn toàn quá trình phát triển

C. Có tính tự thân

D. Có tính khách quan, phổ biến

Câu 124: Mối liên hệ của các sự vật hiện tượng là gì? Xác định câu trả lời đúng nhất.

A. Là sự tác động lẫn nhau, chi phối, chuyển hoá lẫn nhau một cách khách quan, phổ biến, nhiều vẻ giữa các mặt, quá trình của sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng

B. Là sự thừa nhận rằng giữa các mặt của sự vật, hiện tượng và giữa các sự vật với nhau trong thực tế khách quan không có mối liên hệ nào cả

C. Là sự tác động lẫn nhau, có tính khách quan, phổ biến, nhiều vẻ, không thể chuyển hoá cho nhau

D. Là chỉ sự tác động của các yếu tố bên ngoài

Câu 125: Chọn câu trả lời đúng: Chất của sự vật là:

A. Những yếu tố tạo nên sự vật

B. Thuộc tính không cơ bản

C. Một thuộc tính duy nhất của sự vật

D. Sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính

Câu 126: Xác định quan niệm sai về phủ định biện chứng:

A. Phủ định có tính kế thừa

B. Phủ định là chấm dứt sự phát triển

C. Phủ định đồng thời cũng là khẳng định

D. Phủ định có tính khách quan phổ biến

Câu 127: Ph.Ăngghen viết: "[...] là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: [...] đã sáng tạo ra bản thân con người". Hãy điền một từ vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên.

A. Lao động

B. Vật chất

C. Tự nhiên

D. Sản xuất

Câu 128: Trong "Bút ký triết học", V.I.Lênin viết: "Nhận thức là sự tiến gần mãi mãi và vô tận của […..] đến khách thể". Hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên.

A. Chủ thể

B. Ý thức

C. Tư duy

D. Nhận thức

Câu 129: Triết học Mác-Lênin cho rằng, thực tiễn là toàn bộ [...] có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan. Hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện quan điểm trên.

A. Hoạt động vật chất và tinh thần

B. Hoạt động vật chất

C. Hoạt động tinh thần

D. Mọi hoạt động

Câu 130: Ph.Ăngghen viết về vai trò động lực của thực tiễn đối với nhận thức như sau: "Khi xã hội có nhu cầu về kỹ thuật thì nó thúc đẩy khoa học phát triển hơn mười [. ]". Hãy điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trên.

A. Nhà phát minh

B. Thế kỉ

C. Vạn người

D. Trường đại học

Câu 131: Theo quan niệm của triết học Mác - Lênin, thực tiễn là:

A. Toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử – xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan

B. Toàn bộ hoạt động tinh thần có mục đích, mang tính lịch sử – xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan

C. Toàn bộ hoạt động vật chất và tinh thần có mục đích, mang tính lịch sử – xã hội của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan

D. Thực tế

Câu 132: Theo quan niệm của triết học Mác - Lênin, bản chất của nhận thức là:

A. Sự phản ánh thế giới khách quan vào đầu óc của con người

B. Sự phản ánh chủ động, tích cực, sáng tạo của chủ thể trước khách thể

C. Sự tiến gần của tư duy đến khách thể

D. Sự hồi tưởng của “ý niệm tuyệt đối”

Câu 133: Hình thức nào là hình thức đầu tiên của giai đoạn trực quan sinh động?

A. Khái niệm

B. Biểu tượng

C. Cảm giác

D. Tri giác

Câu 134: Hình thức nào của tư duy trừu tượng là hình thức liên kết các khái niệm?

A. Khái niệm

B. Biểu tượng

C. Cảm giác

D. Phán đoán

Câu 135: Tiêu chuẩn của chân lý theo triết học Mác - Lênin là gì?

A. Thực tiễn

B. Nhận thức

C. Khoa học

D. Tư duy

Câu 136: Hình thức nào là hình thức đầu tiên của giai đoạn tư duy trừu tượng?

A. Khái niệm

B. Biểu tượng

C. Cảm giác

D. Suy lý

Câu 137: Hình thức nào của tư duy trừu tượng là hình thức liên kết các phán đoán?

A. Khái niệm

B. Biểu tượng

C. Cảm giác

D. Suy lý

Câu 138: Xác định quan niệm sai về thực tiễn:

A. Thực tiễn là nguồn gốc của nhận thức và qua thực tiễn bộc lộ thuộc tính bản chất của đối tượng

B. Thực tiễn là động lực của nhận thức, nó đỏi hỏi tư duy con người phải giải đáp những vấn đề đặt ra

C. Thực tiễn là hoạt động vật chất và tinh thần của con người

D. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý

Câu 139: Chọn câu trả lời đúng: Tri thức của con người ngày càng hoàn thiện là:

A. Thế giới đang vận động bộc lộ càng nhiều tính quy định

B. Nhờ sự nỗ lực hoạt động thực tiễn của con người

C. Nhờ hệ thống tri thức trước đó (chân lý) làm tiền đề

D. Do khả năng tổng hợp của trí tuệ của con người trong thời đại mới

Câu 140: Chọn câu trả lời đúng nhất. Chân lý là:

A. Tri thức đúng

B. Tri thức phù hợp với thực tế

C. Tri thức phù hợp với hiện thực

D. Tri thức phù hợp với hiện thực và được thực tiễn kiểm nghiệm

Câu 141: Chọn câu trả lời đúng: Trong các hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn, hình thức nào là quan trọng nhất?

A. Sản xuất vật chất

B. Chính trị - xã hội

C. Thực nghiệm khoa học

D. Cả A, B, C

Câu 142: Chọn câu trả lời đúng: Một trong những vai trò của thực tiễn đối với nhận thức:

A. Thực tiễn là cơ sở, nguồn gốc của nhận thức

B. Thực tiễn là kết quả của nhận thức

C. Thực tiễn do ý thức của con người tạo ra

D. Thực tiễn không có vai trò gì đối với nhận thức

Câu 143: Căn cứ vào sự tồn tại và phát triển của toàn bộ sự vật, hiện tượng, có thể phân chia mâu thuẫn thành:

A. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài

B. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu

C. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản

D. Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng

Câu 144: Căn cứ vào quan hệ giữa các mặt đối lập trong một sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau, có thể phân chia mâu thuẫn thành:

A. Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng

B. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu

C. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản

D. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài

Câu 145: Căn cứ vào vai trò của mâu thuẫn đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng trong mỗi giai đoạn nhất định, có thể phân chia mâu thuẫn thành:

A. Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng

B. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu

C. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản

D. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài

Câu 146: Căn cứ vào tính chất đối lập về lợi ích cơ bản giữa các giai cấp trong xã hội có đối kháng giai cấp, có thể phân chia mâu thuẫn thành:

A. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu

B. Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng

C. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản

D. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài

Câu 147: Điền vào chỗ trống:….là hình thức đầu tiên, là cơ sở của mọi nhận thức tiếp theo của con người...........hình thành do sự tác động trực tiếp của sự vật, hiện tượng lên các giác quan của con người.

A. cảm giác tri giác

B. tri giác …cảm giác

C. cảm giác……cảm giác

D. tri giác……tri giác

Câu 148: Điền vào chỗ trống: …. là kết quả của sự tác động trực tiếp của sự vật đồng thời lên nhiều giác quan của con người.

A. Cảm giác

B. Tri giác

C. Biểu tượng

D. Khái niệm

Câu 149: Điền vào chỗ trống: …. phản ánh khái quát một hoặc một số thuộc tính chung có tính bản chất nào đó của một nhóm sự vật, hiện tượng được biểu thị bằng một từ hoặc một cụm từ.

A. Biểu tượng

B. Khái niệm

C. Phán đoán

D. Suy lý

Câu 150: Quy luật phủ định của phủ định chỉ ra:

A. Phương thức chung của mọi quá trình vận động và phát triển

B. Nguồn gốc, động lực cơ bản của mọi quá trình vận động và phát triển

C. Khuynh hướng cơ bản của mọi quá trình vận động và phát triển

D. Tất cả các phương án đều sai

Câu 151: Quan điểm nào cho rằng: Các sự vật, hiện tượng và các quá trình khác nhau của thế giới có mối liên hệ, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau?

A. Siêu hình

B. Biện chứng

C. Duy tâm chủ quan

D. Duy tâm khách quan

Câu 152: Tục ngữ Việt Nam có câu: “Năng nhặt chặt bị”, “Góp gió thành bão”. Quan điểm trên vận dụng quy luật nào sau đây là phù hợp nhất:

A. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại

B. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

C. Quy luật phủ định của phủ định

D. Quy luật chọn lọc tự nhiên

Câu 153: Theo phép biện chứng duy vật, cái... là cái toàn bộ, phong phú hơn cái...

A. Chung/Riêng

B. Riêng/Chung

C. Chung/Đơn nhất

D. Đơn nhất/Riêng

Câu 154: Theo phép biện chứng duy vật, trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nếu chỉ chú trọng thực hiện những bước nhảy liên tục về chất mà không tích lũy về lượng sẽ mắc phải sai lầm:

A. Bảo thủ, hữu khuynh

B. Nôn nóng, tả khuynh

C. Cục bộ, địa phương

D. Chiết trung, ngụy biện

Câu 155: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc “duy nhất và cuối cùng” của nhận thức là…?

A. Thế giới tâm linh

B. Thế giới khách quan

C. Thế giới sự vật cảm tính

D. Tư duy con người